CTCP THÉP VIỆT Ý (VIS –HOSE)

Ngày cập nhật: 19/03/2012

Thành lập năm 2002, CPH năm 2004
Xã Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên
Tel: (321) 3942427, Fax: (321) 3942226
Chủ tịch HĐQT: Trần Văn Thạnh
Tổng giám đốc: Trần Văn Thạnh
Website: www.vis.com.vn

Ngành Thép

Lĩnh vực hoạt động chính

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép có thương hiệu Việt-Ý

Ngày chào sàn: 25/12/2006

Thông tin giao dịch

Giá hiện tại (đ)	13.700
SLCP lưu hành (cp)	30.000.000
Giá trị vốn hóa (tỷ đ)	411
P/E	15,1
P/B	0,78
KLGD 3 tháng (cp)	279.164
GTGD 3 tháng (tỷ đ)	3,54
Sở hữu nước ngoài	4,7%
Beta	0,39

Quá trình tăng Vốn điều lệ (tỷ đ)

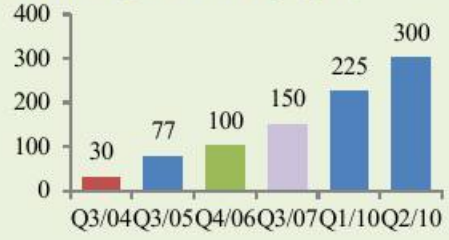

Cơ cấu cổ đông (%)

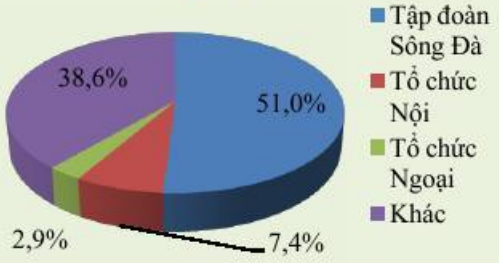

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

THÔNG TIN CHUNG

- Thành lập năm 2002 từ nhà máy thép Việt Ý thuộc Tổng công ty Sông Đà. VIS có dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập khẩu đồng bộ 100% và được chuyển giao công nghệ từ tập đoàn Danieli-Ý có công suất 250.000 tấn/năm.
- Sản phẩm chủ yếu là thép xây dựng ϕ5,5- ϕ12, và thép thanh D10 - D40 đều đạt tiêu chuẩn quốc tế. Thị trường tiêu thụ rộng lớn với 21 nhà phân phối, 300 cửa hàng đại lý ở hầu hết các tỉnh thành (BCB-2010).
- Các công trình đã khẳng định thương hiệu của thép Việt-Ý gồm có thủy điện Sơn La, nhà máy thủy điện Bản Vẽ, cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, tòa nhà cao cấp Vimeco, tòa nhà Quốc Hội, tòa nhà Keangnam…

Thông tin Tài chính cơ bản

Năm	2007	2008	2009	2010	2011
BÁO CÁO LÃI LỖ					
DT	1.469	1.709	2.068	3.084	3.915
LNTT	26	152	260	146	35
LNST	22	131	225	110	27
CỔ TỨC					
EPS		8.747	15.028	3.821	907
Trả Cổ tức					10%
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
VĐL	150,0	150,0	150,0	300,0	300,0
VCSH	173,9	269,5	439,0	581,4	523,6
TTS	789,6	1.022,4	1.497,5	1.657,9	1.318,5
Nợ DH	124	322	543	5	1
BV		17.939	29.030	19.380	17.454
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					
LNST/DT		7,7%	10,9%	3,6%	0,7%
ROE		59,2%	63,6%	21,6%	4,9%
ROA		14,5%	17,9%	7,0%	1,8%
Nợ/VCSH		2,5	2,4	1,9	1,5
TSLĐ/Nợ		2,0	1,3	1,3	1,4
Vay/VCSH		2,12	1,98	0,92	1,34

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

Khuyến nghị

Theo dõi

Định giá

22.500 đ

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

- Ngành thép là ngành mang tính chiến lược phát triển đất nước. Tuy vậy, trong bối cảnh kinh tế đang từng bước ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát. Ngành chịu nhiều ảnh hưởng từ các chính sách thắt chặt tiền tệ, thị trường bất động sản và xây dựng ảm đảm.
- VIS có quy mô, năng lực và hiệu quả kinh doanh cao trong ngành. Tuy vậy, hiện nay có khoản đầu tư không hiệu quả vào CTCP Luyện thép Sông Đà cần theo dõi thêm.
- Mức tăng trưởng doanh thu hàng năm cao khoảng 28%, tuy vậy lợi nhuận lại biến động phức tạp do phụ thuộc nhiều yếu tố vĩ mô và giá thép thế giới.
- VIS là doanh nghiệp có tài chính lành mạnh, vốn hoạt động khá cân đối, khả năng thanh khoản tốt. Nhưng hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp cùng ngành.
- Sản phẩm thép của VIS có sức cạnh tranh cao trên thị trường như các sản phẩm thép D40, thép cán CIII …
- Đầu ra của VIS ổn định với sự bảo trợ của Tổng CT Sông Đà. Tuy vậy, công ty vẫn chưa xâm nhập được sâu vào thị trường dân dụng.
- Kế hoạch kinh doanh năm 2012 giảm so với mức đạt được trong năm 2011.

Cơ cấu tài sản

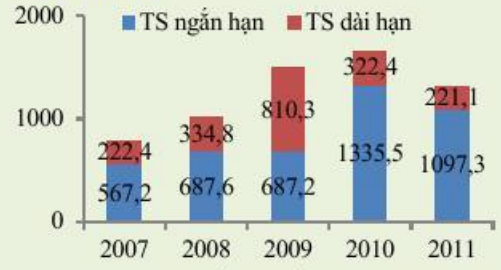

(Nguồn: ABS tổng hợp từ BCTC VIS)

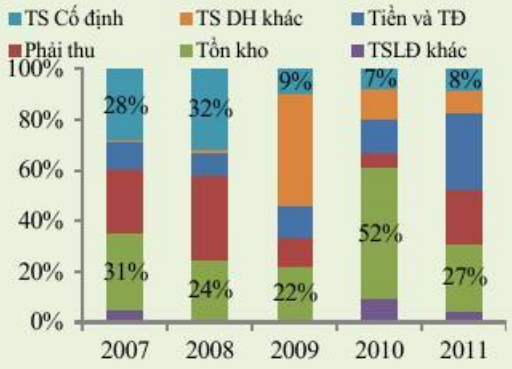

(Nguồn: ABS tổng hợp BCTC VIS)

Tên Công ty con	% sở hữu
CTCP Luyện thép Sông Đà	51,00%

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

Cơ cấu nguồn vốn

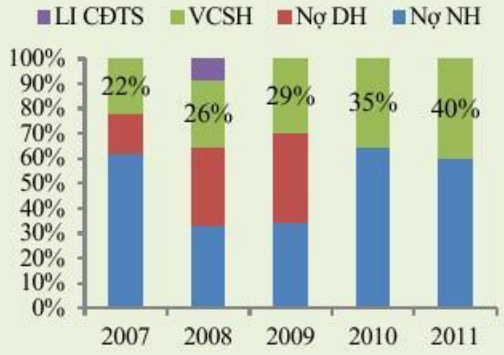

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Cơ cấu tài sản

Tổng tài sản liên tục tăng bình quân 27% từ năm 2007 đến năm 2010 và giảm mạnh 20% trong năm 2011. Cơ cấu tài sản năm 2009 có nhiều biến động lớn là khoản đầu tư 162,2 tỷ đồng vào CTCP Luyện thép Sông Đà (SDS). Ngoài ra, VIS còn vay 508 tỷ đồng giúp công ty này xây dựng nhà máy phôi thép công suất 400.000 tấn/năm ở Hải Phòng khiến khoản phải thu khác trong tài sản dài hạn tăng đột biến. Trong năm 2010, VIS tiếp tục đầu tư thêm 38,2 tỷ đồng vào SDS và lượng hàng tồn kho rất lớn trị giá 861 tỷ đồng (trong đó có 627.7 tỷ là nguyên liệu) sau khi nhà máy này đi vào hoạt động. Năm 2011, mặc dù tổng tài sản giảm đi nhưng mức cơ cấu đã hợp lý với hơn 80% là tài sản ngắn hạn, trong đó có 400 tỷ tiền mặt và tương đương tiền.

Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn vay được sử dụng trong kinh doanh là chủ yếu chiếm hơn 71% tổng nguồn vốn từ năm 2007 đến 2009. Sau 2 lần tăng vốn trong năm 2010, VIS đã chủ động hơn về nguồn vốn và chỉ còn vay 65% và 60% trong năm 2010 và 2011. Hầu hết các khoản vay là vay ngắn hạn từ các ngân hàng VCB, CTG, HSBC và BIDV mà không có tài sản đảm bảo. Điều này cho thấy VIS có uy tín cao trên thương trường.

Hoạt động kinh doanh

Nguyên liệu đầu vào chủ yếu là phôi thép và vật tư vôi chiếm hơn 90% cơ cấu giá thành sản phẩm. Hiện nay, nguồn phôi thép đầu vào của VIS đến từ nhà máy phôi thép Hải Phòng. Phôi mua trong nước đạt 76% (tăng 33% so với năm 2010), còn lại được nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Nga và một số nước khác.

Doanh thu chính của VIS là từ kinh doanh thép cán. Ngoài ra, công ty còn có các sản phẩm thép cao cấp mang tính cạnh tranh cao như thép D40, thép mác CIII, thép mác SD390, SD490, Gr60, Gr40… VIS còn có công nghệ cán sản phẩm

thép D14-D40 từ phôi 150mm x150mm giúp việc mua phôi chủ động và tiết kiệm được kim loại. Nhờ vậy, VIS thường xuyên chiếm lĩnh khoảng 10% thị phần tiêu thụ miền Bắc và khoảng 5,3% thị trường cả nước. Đồng thời sản phẩm thép Việt-Ý tham gia rất nhiều dự án lớn mang tầm Quốc gia.

- Đầu ra của VIS hiện nay là các công trình dự án lớn, các dự án nhỏ và các công trình dân dụng với các chiến lược bán hàng khác nhau. Các dự án lớn chủ yếu là Tổng công ty Sông Đà phân phối. Các dự án nhỏ hơn được chào bán trực tiếp, còn các công trình dân dụng được bán qua hệ thống phân phối gồm 21 nhà phân phối và 300 cửa hàng đại lý trên cả nước. Tuy vậy, thị trường dân dụng mới chỉ đem lại hơn 10% trên tổng doanh thu năm 2011, chỉ đạt 65% kế hoạch.

Doanh thu, lợi nhuận (tỷ đồng), EPS

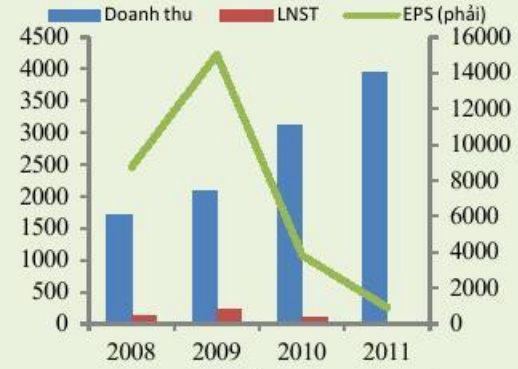

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

- VIS duy trì mức tăng trưởng doanh thu khá cao và ổn định hơn 28% qua các năm từ 2007 đến nay. Tuy vậy, lợi nhuận của VIS lại tăng trưởng âm trong năm 2010 và 2011. Trong hai năm này, giá thép trên thị trường diễn biến phức tạp, tăng giảm liên tục khiến giá vốn hàng bán chiếm tới 92-93% doanh thu, trong khi năm 2009 là 84,4%. Ngoài ra, chi phí tài chính và chi phí lãi vay cũng tăng cao. Đặc biệt trong năm 2011, LNST giảm mạnh 71% là do VIS phải trích lập dự phòng 110,38 tỷ đồng đầu tư dài hạn vào CTCP Luyện thép Sông Đà do công ty này lỗ 275,89 tỷ đồng trong năm 2011.
- Kết quả kinh doanh năm 2011 không ấn tượng do kinh tế chung xấu và khoản đầu tư thua lỗ vào SDS. Mặc dù một số chỉ tiêu vượt kế hoạch như giá trị SXCN và doanh thu vượt 36% so với kế hoạch nhưng lợi nhuận gộp chỉ tăng 11% còn lợi nhuận sau thuế lại giảm mạnh 37% so với kế hoạch. Các khoản đầu tư cũng giảm và chỉ bằng 20% so với kế hoạch.

Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động

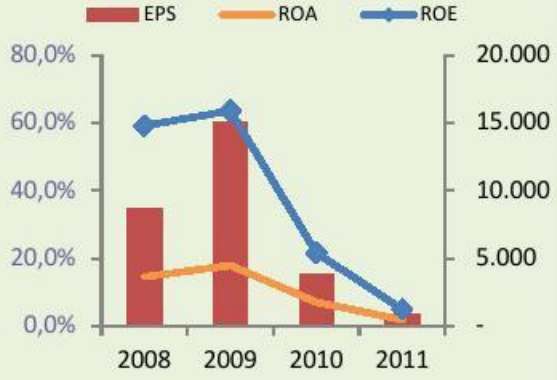

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

- Khả năng sinh lời của VIS cũng giảm mạnh trong 2 năm gần đây được thể hiện khá rõ qua các chỉ số ROE, ROA và EPS qua các năm. Một là do giá vốn tăng cao trước những ảnh hưởng từ vĩ mô. Hai là do tăng vốn trong năm 2010 để đầu tư vào các dự án nâng cao công suất nhà máy. Cuối cùng là việc thua lỗ hơn 110 tỷ đồng vào khoản đầu tư vào SDS.

Cơ cấu chi phí/Doanh thu

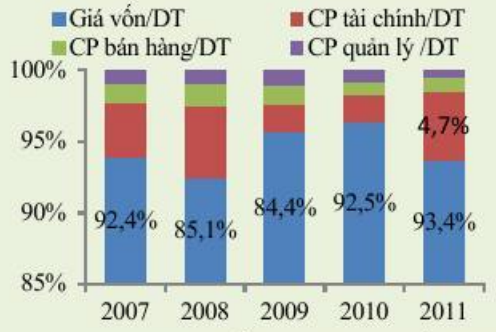

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

Khả năng thanh toán

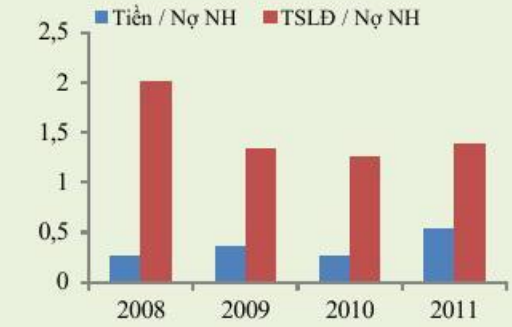

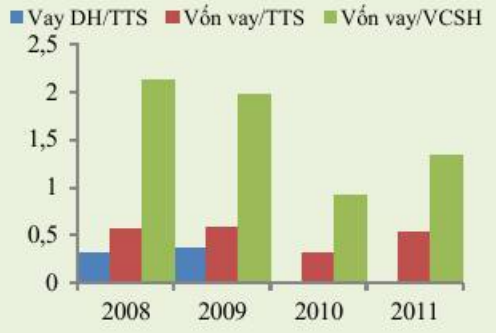

(Nguồn: BCTC VIS, ABS tổng hợp)

Cơ cấu doanh thu

- Doanh thu của VIS hầu hết đến từ việc cung cấp sản phẩm cho các dự án (gần 90%), trong đó chủ yếu từ thép ϕ5,5- ϕ12 và thép thanh D10 đến D40. Các công trình dân dụng chỉ đem lại hơn 10% doanh thu.
- Thị trường tiêu thụ trải dài trên cả nước nhưng doanh thu chính vẫn đến từ khu vực miền Bắc.

Kiểm soát chi phí

- Chi phí giá vốn chiếm phần lớn trong doanh thu. Chi phí này tăng mạnh trong 2 năm gần đây, lần lượt là 92,5% và 93,4%, do sự biến động giá thép thế giới phức tạp. Chi phí tài chính trong năm 2011 tăng mạnh so với các năm trước, chiếm 4,7% doanh thu, một phần là do lãi suất tăng cao và khoản trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn vào CTCP Luyện thép Sông Đà (hơn 110 tỷ đồng). Các chi phi bán hàng và quản lý được duy trì ở mức thấp và hợp lý.

Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán nhanh (tài sản lưu động/nợ ngắn hạn) luôn duy trì lớn hơn 1 đảm bảo cho công ty hoạt động an toàn với thanh khoản tốt. Khả năng thanh toán tức thời (tiền và tương đương tiền/vay ngắn hạn) còn thấp nhưng đã được nâng cao trong năm 2011 nhờ khoản tiền mặt 400 tỷ đồng.
- VIS sử dụng nguồn vốn vay cho hoạt động kinh doanh là chủ yếu và hầu hết là vay ngắn hạn. Chỉ số vốn vay so với vốn chủ sở hữu đang giảm dần sau hai lần tăng vốn trong năm 2010. Chỉ số này tụt xuống dưới 1 trong năm 2010 là do ở đây không tính khoản 465 tỷ đồng phải trả cho người bán.
- Tóm lại, mặc dù VIS sử dụng nguồn vốn vay khá cao nhưng luôn đảm bảo khả năng thanh toán nên vẫn hoạt động kinh doanh an toàn.

Năng suất tiêu thụ phôi thép thế giới

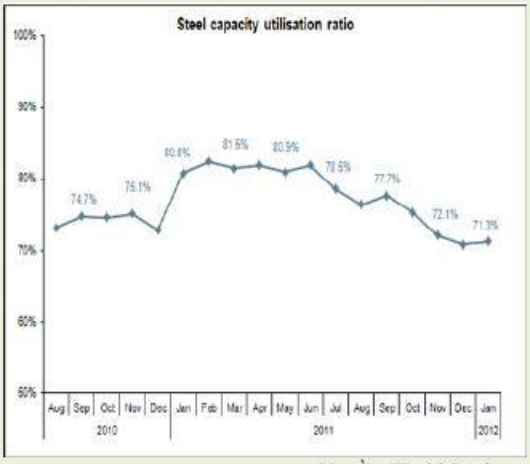

(Nguồn: World Steel)

Biểu đồ giá thép năm 2010

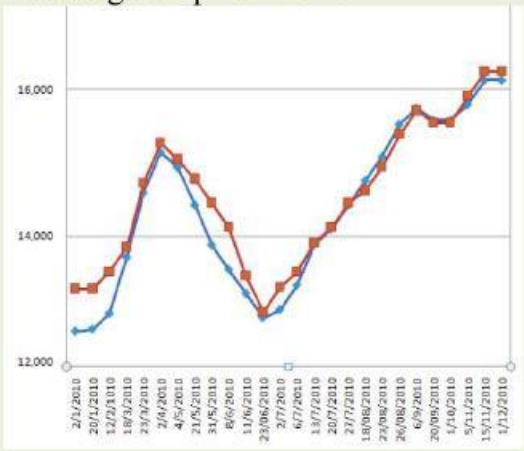

(Nguồn VSA)

NGÀNH THÉP

Khác với những năm trước, năm 2011, ngành thép chịu tác động rất ít từ thị trường thế giới trong mà chủ yếu chịu ảnh hưởng từ những khó khăn nội tại nền kinh tế Việt Nam.

Nghị quyết 11 của Chính phủ và Chỉ thị 01 của Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhằm cắt giảm đầu tư công và hạn chế hoạt động cho vay phi sản xuất làm thị trường bất động sản gần như đóng băng, xây dựng công nghiệp và dân dụng sụt giảm, trong khi đây là lĩnh vực chiếm khoảng 34% tổng nhu cầu của ngành thép. Nhu cầu thấp khiến hiệu suất hoạt động của nhiều nhà máy giảm mạnh, làm tăng chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản phẩm. Chính vì vậy, ngành thép tăng trưởng khoảng âm 4%, riêng thép xây dựng tăng trưởng nhẹ 0,57%.

Lãi suất tăng cao khiến các doanh nghiệp thêm khó khăn do nguồn vốn đầu tư cho dây chuyền sản xuất chủ yếu dựa vào nguồn vốn vay. Ngoài ra, hàng tồn kho cao và kéo dài trong nhiều tháng khiến áp lực trả lãi ngân hàng càng lớn.

Mặc dù lãi suất đầu vào có mức trần hạ xuống 14%/năm nhưng việc ***tiếp cận vốn khó khăn*** cũng đã khiến cho hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp đình trệ, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo khảo sát mới nhất, chỉ có khoảng 20% số doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận được nguồn tín dụng chính thống.

Ngoài ra, ***chính sách tỷ giá không ổn định*** cũng khiến các doanh nghiệp trong ngành chịu thêm các khoản chi phí mua ngoại tệ để nhập khẩu nguyên liệu. Thêm vào đó, đồng VND mất giá cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận khi phần lớn khoản nợ của công ty thép được tài trợ bằng ngoại tệ.

Hiện nay, ***nguồn cung thép nguyên liệu*** mới chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu thép phế và 60% nhu cầu phôi thép, chính vì vậy mà giá thép vẫn chịu tác động lớn từ giá thép thế giới.

Năm 2011, mặc dù giá thép thế giới tăng nhưng giá thép trong nước lại hạ. Nghịch lý này là do nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm, các doanh nghiệp buộc phải bán ra nhằm đảm bảo mức tiêu thụ và giải phóng vốn vay.

Thị phần thép xây dựng cả nước

Công ty	Thị phần
CTCP Tập đoàn Hòa Phát	14.2%
CTCP thép Pomina	13.9%
Công ty gang thép Thái Nguyên	12.1%
TCT thép Việt Nam	8.4%
Công ty thép Vina Kyoei	7.5%
Công ty sản xuất thép Úc	6.1%
CTCP Sản xuất thép Việt Ý	5.3%

So sánh với các chỉ số trong ngành

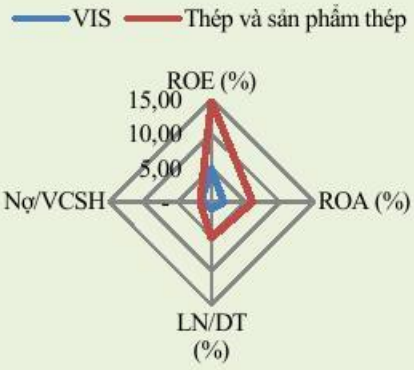

(Nguồn:ABS tổng hợp)

Khả năng sinh lời, hiệu quả sử dụng vốn

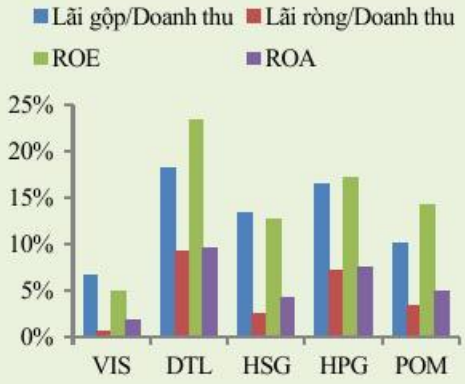

(Nguồn: BCTC các công ty)

Cơ cấu vốn và khả năng thanh toán

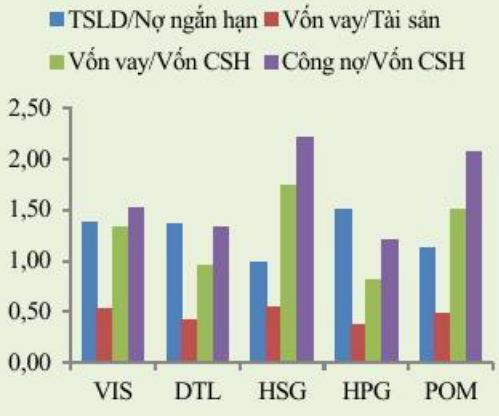

(Nguồn: BCTC các công ty)

Vị thế của Công ty trong ngành

- Theo số liệu thống kê, Việt Nam có gần 30% doanh nghiệp ngành thép đang sử dụng công nghệ lạc hậu, hơn 40% sử dụng công nghệ ở mức trung bình. Trong đó VIS thuộc nhóm còn lại có sử dụng công nghệ tiến tiến, công suất lớn. Với mức tiêu hao nguyên vật liệu thấp và khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm thép của Việt - Ý cạnh tranh rất tốt trên thị trường.
- Hiện nay VIS chiếm khoảng 10% thị phần thép xây dựng miền Bắc và chiếm 5,3% thị phần cả nước, đứng thứ 7 trong ngành.
- ***So với ngành thép và sản phẩm thép***, các chỉ số tài chính của VIS đều kém hơn. Chỉ số P/E cao gấp 2,5 lần trong khi khả năng sinh lời ROE, ROA lại thấp hơn trung bình ngành hơn 3 lần. Tỷ suất sinh lời của VIS cũng ở mức rất thấp.
- ***So sánh với các doanh nghiệp*** có cùng hình thức hoạt động kinh doanh. Dựa trên hình thức hoạt động kinh doanh, cổ phiếu ngành thép được chia làm 3 nhóm: nhóm 1 là nhóm doanh nghiệp sản xuất có đầu tư vào khâu nguyên liệu; Nhóm 2 là nhóm sản xuất mang tính gia công; Và nhóm 3 là nhóm kinh doanh thuần thương mại. VIS, HPG, POM, HSG và DTL cùng thuộc nhóm 1 có biên lợi nhuận cao nhất (15-20%) nhờ đầu tư vào khâu nguyên liệu nên có khả năng chịu rủi ro về biến động giá tốt hơn.
- Xét về khả năng sinh lời và hiệu quả sử dụng nguồn vốn ở thời điểm hiện nay cho thấy VIS thua kém các doanh nghiệp cùng ngành. Ngược lại, các doanh nghiệp trong ngành đều có mức sinh lời khá cao, đặc biệt là DTL.
- Ngược lại, cơ cấu vốn và khả năng thanh toán của VIS ở mức trung bình, tốt hơn HSG và POM nhưng lại không bằng DTL và HPG.
- Tóm lại, VIS chưa phải là cổ phiếu hấp dẫn nhất ngành với chỉ số P/E hơn 3 lần các mã còn lại. Tuy vậy, VIS có tính thanh khoản cao trên 3,5 tỷ đồng/ phiên tương đương HSG, HPG. Ngược lại, DTL và POM có giao dịch thấp mỗi phiên.

PHÂN TÍCH SWOT CÔNG TY

Lợi thế

- Đội ngũ cán bộ kinh nghiệp và có trình độ chuyên môn cao.
- Thương hiệu đã được khẳng định với sức cạnh tranh cao, sản phẩm đa dạng và đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Tận dụng nguồn thép phôi từ Cty CP luyện thép Sông Đà.
- Đầu ra là các dự án lớn của Tổng CT Sông Đà. Các dự án nhỏ và dân dụng được bán qua hệ thống phân phối rộng khắp cả nước.
- Sản phẩm đa dạng về chủng loại đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn của ngành thép xây dựng.
- Chủ động được phôi thép có giá cạnh tranh từ công ty cổ phần luyện thép Sông Đà (SDS).

Cơ hội

- Ngành thép nằm trong chiến lược phát triển đất nước trong dài hạn.

Khó khăn

- Giá dầu, điện, than tăng đẩy giá thành tăng cao.
- Mặt hàng thép cuộn chịu cạnh tranh cao bởi thép nhập khẩu từ Trung quốc (dù mặt hàng này chỉ chiếm tỷ trọng thấp).
- Phôi thép đầu vào vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nên chịu rủi ro giá thế giới và tỷ giá.
- Luyện phôi phải tốn 500-600kw/tấn phôi khiến chi phí cao nên phôi thép vẫn được nhập là chủ yếu.
- Khả năng tăng doanh thu, lợi nhuận bị hạn chế do khó mở rộng quy mô.

Thách thức

- Thị trường BĐS ảm đảm còn tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường thép xây dựng.
- 2 thị trường nhập khẩu chính Nga và Trung Quốc không ổn định về nguồn hàng nhập và giá.
- Cạnh tranh mạnh trong lĩnh vực thép xây dựng với thép Thái Nguyên, thép Việt Úc, thép Việt Hàn, thép Hòa Phát, thép Việt Nhật thép Vinakansai…

TRIỂN VỌNG

Năm 2012, **tình *hình kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục khó khăn***. Chủ trương của Chính phủ trong năm nay là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát. Chính vì vậy, thị trường bất động sản, xây dựng nói chung và ngành thép nói riêng vẫn còn bị kìm hãm sự phát triển. Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) dự báo ngành thép sẽ tăng trưởng thấp ở mức 4% so với năm 2011.

Kế hoạch 2012:

- VIS đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 trên cơ sở nội lực của công

Các chỉ tiêu kinh tế	Thay đổi so với 2011
Tổng giá trị SXCN : 3.822 tỷ đồng	giảm 11,49%
Doanh thu : 3.475 tỷ đồng	giảm 11,24%
Giá trị đầu tư : 24,30 tỷ đồng	giảm 59,26%
Lợi nhuận SXKD thép: 105,59 tỷ đồng	giảm 27,54%
Tiền lương bq: 6 triệu đồng/người/tháng	tăng 0.87%
Tổng sản lượng SX và tiêu thụ : 230.000 tấn	Giảm 11,39%
Cổ tức10%	

Kế hoạch kinh doanh năm 2012 cho thấy VIS không có chủ trương mở rộng kinh doanh cũng như khả năng tăng trưởng khi các chỉ tiêu đều giảm khá cao so với năm 2011.

- Thực hiện kế hoạch sáp nhập cổ phiếu SDS của CTCP Luyện thép Sông Đà vào mã VIS trong năm 2012 theo tỷ lệ 1,31:1. Sau khi sáp nhập, CTCP Luyện thép Sông Đà sẽ đổi thành chi nhánh của CTCP Thép Việt Ý. Tuy vậy, hiện nay SDS đang còn là ẩn số xấu khi lỗ lớn 257 tỷ đồng trong năm 2012. Vụ sáp nhập này có thể khiến VIS gặp nhiều khó khăn.
- VIS tạm hoãn việc nâng công suất nhà máy sản xuất phôi thép Việt ý lên 450.000 tấn/năm do điều kiện kinh tế vĩ mô hiện nay chưa phù hợp.

ĐỊNH GIÁ

Các phương pháp được sử dụng để định giá VIS gồm có phương pháp chiết khấu dòng thu nhập dựa trên các diễn biến trong quá khứ, năm hiện tại và các dự đoán trong 5 năm tới, phương pháp P/E và phương pháp P/B so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, so sánh với ngành Thép và sản phẩm thép. Tỷ trọng của các phương pháp tương ứng là 40%, 30% và 30%.

Phương pháp	Giá (đ)	Tỷ trọng (%)
Chiết khấu dòng thu nhập	40.787	40
P/E	5.287	30
P/B	15.724	30
	22.500	

KHUYẾN NGHỊ

THEO DÕI

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo phân tích công ty nhằm mục đích đánh giá và đưa ra những khuyến nghị mang tính tham khảo, nhằm hỗ trợ khách hàng.

Các thông tin mà Báo cáo sử dụng được thu thập và xem xét với mức độ cẩn trọng tối đa có thể và dựa trên những nguồn mà ABS cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ABS không chịu trách nhiệm về độ chính xác và đầy đủ của các thông tin trong Báo cáo này. Các ý kiến, nhận định, khuyến nghị chỉ thể hiện quan điểm chủ quan của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của ABS và có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Báo cáo này chủ yếu cung cấp những thông tin, nhận định, khuyến nghị mang tính tổng hợp. Nhà đầu tư cần tự ra quyết định dựa trên tình hình tài chính, các mục tiêu đầu tư cụ thể và các điều kiện riêng của cá nhân.

ABS không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào liên quan đến việc khai thác và sử dụng các thông tin từ Báo cáo này.

Ban Đầu tư và Phân tích
Công ty CP Chứng khoán An Bình
Tầng 4, Hà Thành Plaza
102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 043 5624626 ext: 152
Fax: 043 5624628
Email: tuan.tranquoc@abs.vn